

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUYỀN MỘC  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: **04/2021/HC-ST**

Ngày 02-7-2021

V/v khiếu kiện quyết định xử  
phạt vi phạm hành chính trong  
lĩnh vực đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Tỉnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Nguyễn Ngọc Khanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đình Rur - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2020/TLST-HC ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2021/QĐST-HC ngày 03-6-2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Tiếp V, sinh năm: 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Ông Tô, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Bùi Thị M, sinh năm: 1960, ông Nguyễn Đức Kh, sinh năm: 1959 và ông Lương Tuấn K, theo giấy ủy quyền số 3218 quyền số 01/TP/CC –SCC/HĐGD ngày 29/06/2021 của Văn phòng công chứng Chí Linh. (bà M, ông Kh có mặt, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt)

**- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: Ấp Gò Cà, xã PT, huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Có ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có mặt tham gia phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 20/9/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 29/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Tiếp V do có hành vi lấn, chiếm 14.958m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thuộc các thửa đất số 58, 16, 15, 41, 42, 43, 44, 46, 47 tờ bản đồ số 31 và thửa số 03 tờ bản đồ số 37 xã PT, huyện Xuyên Mộc.

Ngày 30/9/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 264/QĐ-XPVPHC (viết tắt là Quyết định 264) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Tiếp V do đã thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt 2.000.000đồng.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Nguyễn Tiếp V khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất lấn, chiếm.

Do ông Nguyễn Tiếp V không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 29/12/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc ban hành Quyết định số 342/QĐ-CCXP (viết tắt là Quyết định số 342) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của ông Nguyễn Tiếp V

Ngày 29/12/2020 ông Nguyễn Tiếp V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:

Hủy Quyết định số 264 của Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Hủy Quyết định số 342 của Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Yêu cầu UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định. Tuy nhiên quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc UBND xã PT tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tiếp V.

***Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp trình bày:***

Về căn cứ yêu cầu khởi kiện: ông Nguyễn Tiếp V cùng đại diện hợp pháp của ông V cho rằng Quyết định số 264 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho rằng ông V chiếm đất do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích nông nghiệp với diện tích 14.958m<sup>2</sup> của các thửa đất số 58, 16, 15, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 tờ bản đồ số 31 và thửa số 03 tờ bản đồ số 37 xã PT và quyết định số 342 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của ông Nguyễn Tiếp V là không đúng, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V vì những lý do sau.

Nguồn gốc các thửa đất này là từ năm 1990, gia đình ông V vào trú tại Bến Khi, xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai (sau này là ấp Bến Cát, nay là ấp Ông Tô, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) khai hoang làm ruộng nuôi tôm, trồng cây ăn trái và một số cây lâu năm, đến năm 1997 thì gia đình ông V được cấp hộ khẩu. Từ thời điểm khai phá, sử dụng, canh tác liên tục đến nay không tranh chấp với bất kỳ ai và cũng đã chấp hành nghĩa vụ thuế nhà nước, có biên lai thuế, đến tháng 5-2002 UBND Bà Rịa – Vũng Tàu tỉnh ra quyết định “*Kết thúc và giải thể Ban quản lý dự án 660 Bến Cát Lộc An*” sau đó ông Nguyễn Tiếp V vẫn tiếp tục sử dụng diện tích đất này;

Việc Chủ tịch UBND xã PT cho rằng các Hộ dân trong đó có ông V đã hoán đổi diện tích đất khai phá để nhận 200m<sup>2</sup> đất ở là không đúng vì chính sách ổn định dân Di cư của Chính phủ, cụ thể Theo Quyết định số 1979/QĐ.UBT ngày 23/8/1996, của

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Dự án ổn định dân di cư tự do vùng Bến Cát, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo chỉ thị 660/TTG của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là dự án 660) tại điều 1 của Quyết định này nêu “*ổn định dân di cư tự do vùng Bến Cát và số hộ để ổn định là 450 hộ dân di cư tự do*” và cũng tại Công văn số 43/CV.UBH ngày 23/2/1998, của UBND huyện Xuyên Mộc nêu rõ “*giao UBND xã PT quản lý Toàn bộ diện tích đã được quy hoạch. Hiện trong khu quy hoạch đã có 19 hộ dân sinh sống. Để quản lý, UBND xã tiến hành ngay việc xác định diện tích đất của từng hộ, tài sản, cây lâu năm, hoa màu trên đất, sổ hộ khẩu từng hộ. Kiên quyết không để phát sinh hộ mới, khẩu mới*”.

Tại Biên bản xét nguồn gốc sử dụng đất các hộ ấp Bến Cát, xã PT do UBND xã PT lập ngày 15/5/2013 cũng nêu rõ về nguồn gốc khai phá từ năm 1986 của các Hộ dân trên địa bàn khu vực ấp Bến Cát.

Tại Văn bản số 1260/UBND-VP của UBND huyện Xuyên Mộc ban hành ngày 10/8/2011 về việc xin chủ trương công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho 19 hộ dân ấp Bến Cát, xã PT cũng nêu rõ từ trước 1986 các Hộ dân đã đến khai phá, làm nhà sinh sống ổn định và cải tạo đất thành vùng nuôi thủy sản, lộc vùng, trồng cây lâu năm nên phía người bị kiện cho rằng người dân chấp nhận hoán đổi toàn bộ diện tích đất khai phá để nhận 01 nền nhà với diện tích 200m<sup>2</sup> là không đúng vì 19 hộ dân nhận được cấp 200m<sup>2</sup> đất ở là do đủ điều kiện nhận đất ở ổn định theo chủ trương của dự án ổn định dân di cư tự do theo chỉ thị 660/TTG của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1979/QĐ.UBT ngày 23/8/1996, của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, (người có đất khai hoang hay không có đất khai hoang đều nhận được 01 nền nhà 200m<sup>2</sup> để ổn định cuộc sống theo diện dân di cư).

Các hộ dân trong khu vực dự án cũng như ông Nguyễn Tiếp V hoàn toàn không ký cam kết hay lập bất kỳ văn bản nào về việc hoán đổi diện tích đất khai phá để đổi lấy 200m<sup>2</sup> đất như phía người bị kiện đã nêu ra, nên nguồn gốc khu đất mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT cho rằng ông V lấn, chiếm là không đúng mà do ông V tự khai phá từ năm 1990 tức là trước khi thành lập HTX Muối cho đến khi HTX Muối bị giải thể hơn nửa theo Biên bản thanh lý tài sản của HTX thì phần diện tích sản phôi muối của HTX chỉ có 1,1ha một phần diện tích rất nhỏ so với tổng diện tích của các Hộ dân khai phá trong đó có ông V và cũng theo Biên bản xử lý tài sản và nợ vay của HTX Muối Lộc An xã Phước Bửu lập ngày 14/3/1994 có sự xác nhận của UBND huyện Xuyên Mộc ngày 15/3/1994 và bản đồ khu vực HTX Muối được kèm theo văn bản này, thì diện tích đất của các Hộ dân nằm ngoài khu vực HTX Muối và diện tích khai hoang của các Hộ dân lớn hơn rất nhiều so với diện tích của HTX Muối được nêu trong Biên bản xử lý tài sản.

Từ đó khẳng định, diện tích đất khai phá và sử dụng của ông Nguyễn Tiếp V là đất có nguồn gốc khai phá từ năm 1990 trước khi thành lập HTX Muối, ở ổn định, cải tạo sử dụng, đóng thuế hàng năm cho đến năm 2012 và phần diện tích đất của các hộ này nằm trong qui hoạch dự án 660 nhưng hoàn toàn nằm ngoài Khu vực vùng Muối theo sơ đồ vị trí của HTX Muối,

Vì vậy, việc ông Nguyễn Tiếp V xây dựng hàng rào bảo vệ ranh đất và dựng nhà để chăn nuôi, trồng trọt giữ đất là hoàn toàn chính đáng. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc tuyên xử UBND xã PT hủy bỏ hoặc thu hồi tất cả các quyết định xử

lý vi phạm hành chính và các quyết định cưỡng chế đối với đất của các hộ dân trên. Kính mong Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xem xét và giải quyết.

**Theo bản tự khai đề ngày 23/4/2021 cũng như các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm người bị kiện trình bày như sau:**

Chủ tịch UBND xã PT không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Tiếp V vì những nội dung sau:

Về căn cứ pháp luật: Căn cứ đề Chủ tịch UBND xã PT ban hành quyết định số 264 và 342 là Điều 12 Luật đất đai năm 2013 và Điều 10 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ nên việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã PT là đúng với quy định pháp luật.

Về trình tự ban hành các quyết định: Các Quyết định hành chính do Chủ tịch UBND xã PT ban hành là đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai, Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 102/2014/NĐ-CP.

Về nội dung: Dự án số 660 đã kết thúc nhưng các thửa đất số 58, 16, 15, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 tờ bản đồ số 31 và thửa số 03 tờ bản đồ số 37 xã PT, huyện Xuyên Mộc mà ông Nguyễn Tiếp V chiếm thì vẫn thuộc quyền quản lý của Nhà nước, do đó việc ông V sử dụng đất đã vi phạm về đất đai của Nhà nước nên Chủ tịch UBND xã PT ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật. Hiện nay diện tích đất thuộc dự án số 660 đang được tiến hành để làm khu dân cư. Đối các các hóa đơn đóng thuế mà ông Nguyễn Tiếp V cung cấp cho tòa án nhưng trong các hóa đơn này không thể hiện về diện tích, cũng như số tờ, số thửa cụ thể.

Về việc sau khi Quyết định số 660 giải thể thì không có Quyết định thu hồi đất nhưng thực tế thì khi ông V sử dụng đất cũng không có Quyết định giao đất cho ông V.

Về nguồn gốc đất của ông V trước đây là có một phần của Hợp tác xã sản xuất muối (Hiện nay Hợp tác xã muối đã giải thể), sau đó do làm ăn thua lỗ nên HTX có thể chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Xuyên Mộc UBND xã Phước Bửu (cũ) sau đó có chuộc về và quản lý diện tích đất. Từ năm 1996-1998 UBND tỉnh có Quyết định thành lập dự án 660 trên diện tích khoảng 25ha, UBND xã PT đã thành lập ban quản lý dự án dân di cư tự do (ban quản lý dự án 660) Ban quản lý tiến hành hợp dân, đối với khoảng 19 hộ sinh sống rải rác trên diện tích 25ha trên được Ban quản lý dự án vận động để vào làng cá và Ban quản lý giao cho mỗi hộ 01 lô đất ở khoảng 200m<sup>2</sup> qua hình thức bốc thăm. Trong đó có ông V, đối với phần đất này thì ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại thì các hộ dân giao cho ban quản lý dự án, đồng thời Ban quản lý dự án đã tiến hành san lấp và làm đường đi bao quanh. Sau khi dự án ngừng thi công vào năm 2002 thì phần diện tích này được giao cho UBND xã PT quản lý, tuy nhiên không có Quyết định giao đất nhưng UBND xã là cơ quan tiếp quản. Đến năm 2020 thì Chủ tịch UBND huyện Xuyên Mộc đã có Quyết định giao toàn bộ diện tích đất công cho UBND xã PT trong đó có diện tích đất ông V.

Từ khi được giao đất để sinh sống thì các hộ dân đã bàn giao lại diện tích cho Ban quản lý dự án, đến năm 2019 thì các hộ dân mới tiến hành lấn, chiếm lại bằng cách rào đất.

Căn cứ đề UBND xã PT cho rằng đây là đất công là do những lý do Chủ tịch UBND xã PT trình bày như trên; về mặt hồ sơ địa chính toàn bộ diện tích đất trên được thể hiện tại tờ bản đồ năm 2000 và tờ bản đồ năm 2005 và sổ mục kê qua các năm 2000 và 2005 đều thể hiện phần diện tích đất của ông V là của dự án số 660 và do Nhà nước quản lý.

Từ năm 2015 đến 2017 UBND huyện Xuyên Mộc và UBND tỉnh có đề án rà soát đất công để đưa vào đề án khai thác, quản lý theo quy định. Đến năm 2019 UBND tỉnh có Quyết định về việc thống nhất quản lý đất công và năm 2020 UBND huyện Xuyên Mộc có xây dựng đề án quản lý đất công Quyết định giao cho từng xã trong huyện về việc quản lý đất công theo quy định, trong đó có khu vực đất mà ông V đang sử dụng.

Từ những lý do nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiếp V.

\* Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cũng như tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp về tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án; không yêu cầu đề nghị xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ.

*Tại phiên tòa:*

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người bị kiện vẫn giữ nguyên Quyết định hành chính.

**Đại diện VKSND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm về vụ án:**

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: các Quyết định số: 264/QĐ-XPVPHC ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số: 342/QĐ-CCXP ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tiếp V ban hành quá thời hạn tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính hơn nữa khi áp dụng Nghị định 102 cho thấy chủ tịch xã xử phạt đã vượt quá thẩm quyền nên phải hủy 02 Quyết định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận đơn khởi kiện của ông V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện và đại diện hợp pháp rút nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc “UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông V” xét thấy việc rút yêu cầu đối với nội dung này là hợp pháp nên căn cứ vào Điều

173 Luật Tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông Nguyễn Tiếp V.

[2] Về xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Quyết định số 264 và Quyết định số 342 là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/12/2020 ông V nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định 264 và Quyết định 342 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Về tính hợp pháp có căn cứ của Quyết định số 264 và Quyết định số 342 của Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc:

[4.1] . Về trình tự, thủ tục :

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 20/9/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 29/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Tiếp V xác định ông V có hành vi “Chiếm đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích nông nghiệp với diện tích 14.958m<sup>2</sup> tại các thửa đất số 58, 16, 15, 41, 42, 43, 44, 46, 47 tờ bản đồ số 31 và thửa số 03 tờ bản đồ số 37 (không có thửa số 45) tại ấp Ông Tô, xã PT, huyện Xuyên Mộc, thời gian thực hiện tháng 4/2019” và xác định ông V vi phạm khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ, tuy ông V không ký vào biên bản vi phạm hành chính nhưng đã có 02 người làm chứng, ngày 24/9/2019 Ủy ban nhân dân xã PT lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 06/BB-XM với nội dung: xác định ông Nguyễn Tiếp V có hành vi chiếm đất như biên bản số 26/BB-VPHC bằng những tình tiết xác minh cụ thể như “*Dùng 39 trụ xi măng, lười rào bao quanh các thửa đất đã lấn chiếm, trồng tràm trên đất lấn chiếm với số lượng tràm nhỏ 900 cây, tràm lớn 53 cây đường kính 5cm-10cm*”

Ngày 30/9/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 264 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với diện tích 14.958m<sup>2</sup> tại các thửa đất số 58, 16, 15, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 tờ bản đồ số 31 và thửa số 03 tờ bản đồ số 37 (có thửa số 45) đối với ông Nguyễn Tiếp V do đã thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ là còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính nhưng vượt quá những nội dung xác định trong biên bản vi phạm hành chính đối với thửa đất số 45.

[4.2] Về thời hạn ban hành quyết định xử phạt hành chính, sau khi lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 20/9/2019 ông V không ký vào biên bản, quá trình làm việc thì đại diện Ủy ban nhân dân xã PT tiến hành làm việc, xác minh thêm tình tiết của sự việc, cho thấy sự việc không thuộc trường hợp phải giải trình theo quy định tại Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính nhưng có tính chất phức tạp, sau khi lập biên bản Ủy ban nhân dân xã PT phải tiến hành các thủ tục xác minh thông tin, nguồn gốc đất, đương sự lại không phối hợp, nên sau 10 ngày Chủ tịch ủy ban nhân dân xã PT mới ban hành Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp với Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4.3] Về thẩm quyền và nội dung ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Diện tích diện tích 14.958m<sup>2</sup> tại các thửa đất số 58, 16, 15, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 tờ bản đồ số 31 và thửa số 03 tờ bản đồ số 37 xã PT, theo hồ sơ địa chính do nhà nước quản lý gồm sổ mục kê năm 2000 và 2005 cũng như bản đồ địa chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thể hiện và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy, sổ mục kê năm 2000 tên chủ sử dụng đất là “Quy hoạch khu dân cư” có mục đích sử dụng cụ thể như sau: thửa 58 là đất giao thông; thửa 15, 16 là đất thổ cư, các thửa đất 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 là đất nông nghiệp (đất màu); thửa đất số 03 tờ bản đồ số 37 có mục đích sử dụng là đất Hg/b (hoang bằng).

Quá trình giải quyết vụ án các bên đều đưa ra những chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình là đúng, phía người khởi kiện cho rằng phần diện tích đất 14.958m<sup>2</sup> mà Ủy ban nhân dân xã PT xác định là đất chiếm là của ông V khai phá từ năm 1986 sử dụng liên tục, có kê khai và đóng thuế cho nhà nước, sau này Nhà nước có chủ trương thành lập dự án ổn định dân cư tự do theo chỉ thị 660/TTG của Thủ tướng chính phủ và quyết định số 1979/QĐ.UBT ngày 23/8/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì các hộ dân này đã chấp hành để phân đất khai hoang này làm dự án, chứ không phải là đất đã khai hoang để lấy 01 nền thổ cư diện tích 200m<sup>2</sup> vì bản thân các hộ này trong đó có ông V đều đủ điều kiện cấp đất thổ cư, nay dự án 660 đã giải thể thì đất của những người này phải trả lại cho họ để sử dụng. Phía người bị kiện xác định các thửa đất ông V lấn, chiếm này thuộc dự án 660, sau này dự án giải thể thì thuộc Nhà nước quản lý, theo hồ sơ địa chính hiện nay thì đất này quy hoạch khu dân cư đang do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Xét ý kiến người khởi kiện cho thấy, diện tích 14.958m<sup>2</sup> tại các thửa đất số 58, 16, 15, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 tờ bản đồ số 31 và thửa số 03 tờ bản đồ số 37 xã PT hiện nay người khởi kiện bao chiếm bằng dây thép gai và cọc bên tông, tiến hành trồng các loại cây nông nghiệp và một số cây mọc hoang, trước đây có một phần của hợp tác xã muối, sau này hợp tác xã muối giải thể vẫn do nhà nước quản lý, phần còn lại của dự án 660, sau này dự án 660 kết thúc vẫn do nhà nước quản lý, chưa giao đất cho cá nhân tổ chức nào sử dụng, phía ông V cho rằng mình là người khai hoang, có đóng thuế nhà đất nhưng cũng không xác định được đóng thuế cho những thửa đất nào, việc khai hoang không các giấy tờ như chứng nhận khai hoang, hiện nay cũng không có chứng cứ gì thể hiện mình là chủ sử dụng đất hợp pháp từ năm 1986 đến nay nên không có cơ sở khẳng định những thửa đất trên thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp, vì vậy hiện nay bao chiếm và trồng cây trên đất của nhà nước quản lý nên cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm hành chính và xác định có hành vi lấn, chiếm đất là đúng.

Hành vi vi phạm vào thời điểm tháng 9/2019 nên cơ quan chức năng áp dụng nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 để xác định hành vi vi phạm và xử lý vi phạm đối với ông V, tuy nhiên khi ban hành quyết định xử phạt hành chính cho thấy, thửa 15, 16 là đất thổ cư, thửa đất 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 là đất nông nghiệp (đất màu); thửa đất số 03 tờ bản đồ số 37 có mục đích sử dụng là đất Hg/b (hoang bằng), như vậy hành vi chiếm đất các thửa 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 phải xem xét xử phạt ở khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP; các thửa 15, 16 là đất thổ cư phải xem xét xử phạt ở khoản 3 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP; đối với thửa đất số 58 tờ

bản đồ số 31 xã PT là đất giao thông phải được xem xét xử phạt theo Điều 12 của Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt về hành vi “*Sử dụng, khai thác tạm thời trên đất hành lang an toàn đường bộ vào mục đích canh tác nông nghiệp làm ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và an toàn giao thông*” nhưng Chủ tịch xã PT lại cho rằng người vi phạm chỉ vi phạm khoản 1 Điều 10 của nghị định 102/2014/NĐ-CP để ban hành quyết định xử phạt với mức hình phạt chính là 2.000.000đ với các biện pháp khắc phục hậu quả là “buộc trả lại đất lấn, chiếm” là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP.

Hơn nữa thẩm quyền xử phạt đối với hình phạt chính và hình phạt bổ sung “buộc trả lại đất lấn, chiếm” phải thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan chức năng theo Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính Phủ mới đúng với khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính và điểm đ khoản 2 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP nên việc Chủ tịch xã PT ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 264/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2019 đối với ông Nguyễn Tiếp V là không đúng thẩm quyền, do đó không có căn cứ ban hành quyết định 342/QĐ-CCXP ngày 26/12/2019 về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông V.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định xử phạt hành chính số 264/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2019 và Quyết định số 342/QĐ-CCXP ngày 26/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc phải nộp 300.000đ. Ông Nguyễn Tiếp V được trả lại tạm ứng án phí

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 38; khoản 1 và khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 10, Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 11/10/2014 của Chính Phủ; Điều 12 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính Phủ

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiếp V về việc buộc Ủy ban nhân dân xã PT tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiếp V.

- Hủy Quyết định số 264/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Tiếp V;



- Hủy Quyết định số 342/QĐ-CCXP ngày 26/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tiếp V;

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải nộp 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Ông Nguyễn Tiếp V được trả lại số tiền 300.000đ án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009043 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Văn Tỉnh**